

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 3 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Vũ Thị Ngân

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 12/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1987

HKTT: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Chỗ ở: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Hà Mạnh D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị M có mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Lê Thị M có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M kết hôn với anh Hà Mạnh D do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/4/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà anh D ở Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Từ tháng 10/2010 vợ chồng cùng vào Miền Nam làm ăn nhưng

không thay đổi hộ khẩu thường trú và vẫn đi về Quỳnh Phụ, Thái Bình để thăm nom gia đình hai bên. Tháng 10/2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không có trách nhiệm với gia đình, con cái, thường xuyên nhậu nhẹt, đánh bài dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, cãi cự nhau. Cũng từ đó, Chị M đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ chị ở xã A, huyện Q sinh sống và sống ly thân với anh D cho đến nay. Nay Chị M xác định cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Mạnh D.

Về con chung: Chị Lê Thị M trình bày chị và anh Hà Mạnh D có 02 con chung là Hà Thị V, sinh ngày 18/10/2007 và Hà Quỳnh A, sinh ngày 23/6/2009. Hiện nay hai con đang ở cùng chị và học tập tại xã A, huyện Q. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Hà Mạnh D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

- *Tại biên bản xác minh với bà Đỗ Thị V (mẹ đẻ anh Hà Mạnh D), địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Lê Thị M và anh Hà Mạnh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chỉ sống cùng gia đình bà khoảng hơn 02 năm sau đó cùng vào miền Nam làm ăn. Đầu năm 2018 anh D có về địa phương sinh sống còn Chị M đưa hai con chung về nhà mẹ đẻ Chị M ở xã A, huyện Q ở và ly thân với anh D từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do Chị M nhiều lần bỏ nhà đi không nói cho anh D biết. Chị M không thật lòng với anh D và gia đình. Nay Chị M xin ly hôn, gia đình cũng nhất trí để vợ chồng ly hôn. Anh D vẫn đăng ký hộ khẩu tại Thôn Đ, xã A, huyện Q. Hiện nay anh D đang làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên về gia đình. Bà đã nhận thay anh D các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết nhưng do bận mãi công việc nên anh D không đến Tòa án giải quyết được, quan điểm của anh D là cũng nhất trí ly hôn với chị Lê Thị M.

Về con chung: Bà Đỗ Thị V xác nhận vợ chồng Chị M, anh D có 02 con chung đúng như Chị M trình bày. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết; Về tài sản chung: Vợ chồng Chị M, anh D không có tài sản chung.

- *Biên bản xác minh tại cơ sở các thôn Đ, xã A và Thôn T, xã A, huyện Q đều thể hiện:* Hôn nhân của chị Lê Thị M và anh Hà Mạnh D là hợp pháp. Vợ chồng có hai con chung đúng như Chị M đã trình bày. Hiện hai con chung đều đang học tập và sinh sống cùng Chị M ở xã A, huyện Q. Về nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung của vợ chồng, cơ sở không nắm rõ. Cơ sở hai thôn đều đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Ngoài ra thôn Đ và UBND xã A cũng xác thực về nơi cư trú của anh D thống nhất với lời khai của Chị M và bà V.

- *Tại các biên bản ghi lời khai của hai con chung là cháu Hà Thị V, sinh ngày 18/10/2007 và Hà Quỳnh A, sinh ngày 23/6/2009 đều thể hiện hai cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là chị Lê Thị M.*

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lê Thị M và anh Hà Mạnh D là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị M, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 10 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thực sự thấu hiểu và chia sẻ với nhau về các vấn đề trong cuộc sống dẫn tới xảy ra va chạm và cãi cự nhau. Vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị M xin ly hôn nhưng anh D không trực tiếp đến trình bày quan điểm với

Tòa án. Thông qua gia đình, anh D thể hiện ý kiến nhất trí ly hôn với Chị M. Điều đó chứng tỏ anh D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị M, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị M, xử cho Chị M được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị M và anh Hà Mạnh D có 02 con chung là Hà Thị V, sinh ngày 18/10/2007 và Hà Quỳnh A, sinh ngày 23/6/2009. Hiện nay hai con chung đang ở với Chị M. Ly hôn, Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của Chị M là chính đáng, Chị M có thu nhập ổn định, có đủ các điều kiện thuận lợi về nơi ở, sinh hoạt cũng như học tập cho con. Hai con chung đang học tập, phát triển khỏe mạnh, bình thường và có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Gia đình anh Hà Mạnh D đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định của pháp luật. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, cần giao cả hai con chung cho Chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh D góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Hà Mạnh D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Hà Mạnh D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Lê Thị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hà Thị V, sinh ngày 18/10/2007 và Hà Quỳnh A, sinh ngày 23/6/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị M không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004248 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Lê Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hà Mạnh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, h. Quỳnh Phụ
(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng